

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

CHÍNH THỨC

22-7-2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 30/06/2009

TP Hồ Chí Minh, tháng 7 - 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009***MẪU SỐ B 01a-DN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4.047.900.505.389	3.187.605.013.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	875.810.906.593	338.653.634.582
1. Tiền	111		195.001.906.593	132.976.253.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		680.809.000.000	205.677.381.325
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		984.964.653.192	374.002.285.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.085.853.081.992	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(100.888.428.800)	(122.995.786.378)
III. Các khoản phải thu	130		657.549.152.693	646.384.971.761
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	520.573.058.101	530.148.996.144
2. Trả trước cho người bán	132		112.628.677.367	75.460.561.209
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	24.654.756.073	40.922.794.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(307.338.848)	(147.380.130)
IV. Hàng tồn kho	140		1.239.919.773.538	1.775.341.893.286
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.251.064.333.315	1.789.645.993.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(11.144.559.777)	(14.304.099.823)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		289.656.019.373	53.222.227.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	50.857.659.510	31.459.932.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.441.837.610	19.195.984.660
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	226.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.356.522.253	2.566.310.837

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009***MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.792.088.325.413	2.779.353.212.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.852.723	474.494.723
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		58.852.723	474.494.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.078.207.436.799	1.936.922.488.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.600.266.166.665	1.529.186.585.828
- Nguyên giá	222		2.789.924.843.351	2.618.637.470.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.189.658.676.686)	(1.089.450.885.074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	45.902.459.205	50.868.169.138
- Nguyên giá	228		81.666.108.997	79.416.077.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(35.763.649.792)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	432.038.810.929	356.867.733.457
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	27.489.150.000	27.489.150.000
- Nguyên giá	241		27.489.150.000	27.489.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		420.780.078.186	570.657.269.351
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	23.701.955.551	23.701.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	514.085.973.800	546.955.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(117.007.851.165)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		265.552.807.705	243.809.810.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	193.934.851.618	195.512.328.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.595.710.847	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.022.245.240	1.022.245.240
VI. Lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		6.839.988.830.802	5.966.958.226.276

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009**Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.070.344.644.216	1.154.432.061.176
I. Nợ ngắn hạn	310		847.444.736.001	972.502.442.356
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	9.963.436.000	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	369.291.115.126	492.556.006.179
3. Người mua trả tiền trước	313		15.038.321.145	5.916.899.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	163.946.930.935	64.187.551.830
5. Phải trả người lao động	315		43.412.093.720	3.103.387.460
6. Chi phí phải trả	316	V.22	181.631.466.349	144.052.341.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	64.161.372.726	74.464.320.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.899.908.215	181.929.618.820
1. Phải trả dài hạn người bán	331		109.349.922.392	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	17.436.013.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		36.113.972.823	35.899.570.833
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.25	5.718.133.935.365	4.761.912.645.765
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.609.621.721.674	4.665.714.594.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.756.403.100.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.064.948.051.177	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.063.262.458	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		175.640.310.000	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.075.566.998.039	803.037.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		108.512.213.691	96.198.051.139
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		108.512.213.691	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		51.510.251.221	50.613.519.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		6.839.988.830.802	5.966.958.226.276

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		225.810.220	236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		823.536,85	1.896.238,64
EUR		3.838,79	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 7 năm 2009

Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý 2 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	2.728.190.151.711	2.112.497.243.916	4.837.806.364.145	3.917.441.450.877
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	(52.944.712.595)	(43.979.643.217)	(93.979.460.048)	(76.375.222.845)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VI.1	2.675.245.439.116	2.068.517.600.699	4.743.826.904.097	3.841.066.228.032
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(1.670.178.194.694)	(1.346.582.149.304)	(3.067.992.612.417)	(2.592.909.305.199)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		1.005.067.244.422	721.935.451.395	1.675.834.291.680	1.248.156.922.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	49.949.276.154	50.246.253.305	249.196.593.381	179.750.924.109
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(115.792.252.453)	(66.221.635.775)	(160.450.495.884)	(152.946.926.290)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(311.896.426.913)	(227.286.591.049)	(528.786.515.231)	(430.960.871.667)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(69.558.448.826)	(60.811.477.436)	(129.418.259.066)	(118.804.300.480)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		557.769.392.384	417.862.000.440	1.106.375.614.880	725.195.748.505
11. Thu nhập khác	31	VI.5	26.997.441.054	25.750.307.620	52.564.898.003	65.661.517.339

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

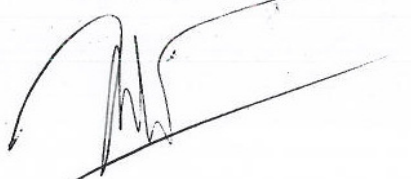
Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

12. Chi phí khác	32	VI.6	(1.332.987.918)	(1.293.875.683)	(6.463.744.887)	(3.828.271.517)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		25.664.453.136	24.456.431.937	46.101.153.116	61.833.245.822
14. Phần lỗ trong liên doanh			-	(21.421.927.463)	-	(34.958.427.463)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		583.433.845.520	420.896.504.914	1.152.476.767.996	752.070.566.864
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(25.465.921.281)	(46.495.189.276)	(130.166.369.562)	(82.531.527.539)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.522.018.916	9.772.635.806	23.320.474.617	9.772.635.806
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		564.489.943.155	384.173.951.445	1.045.630.873.051	679.311.675.132
<i>Phân bổ cho :</i>						
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>9.861.783.028</i>	<i>(6.593.491.504)</i>	<i>896.731.885</i>	<i>(7.178.781.410)</i>
<i>Cổ đông của Công ty</i>			<i>554.628.160.127</i>	<i>390.767.442.949</i>	<i>1.044.734.141.166</i>	<i>686.490.456.542</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	3.164	2.229	5.959	3.917

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 07 năm 2009
Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý 2 năm 2009**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		1.152.476.767.996	752.070.566.864
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11+12	109.940.628.290	79.697.412.617
- Các khoản dự phòng	3		91.900.912.259	104.302.545.492
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		26.428.792.940	(2.374.445.256)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(187.610.716.767)	(127.466.433.432)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	2.248.546.174	19.686.649.475
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		1.195.384.930.892	825.916.295.760
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(17.264.524.639)	(103.746.781.652)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		533.098.536.077	(198.045.430.796)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.931.130.126	(227.118.910.996)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(17.820.249.636)	(30.477.405.112)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.126.419.065)	(18.456.982.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.5+20	(281.268.132.569)	(11.550.090.212)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.705.854.078	2.122.645.497
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(92.195.395.590)	(98.481.289.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.325.445.729.675	140.162.050.851
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(214.765.218.057)	(164.744.460.107)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.622.621.660	2.111.566.413
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(801.534.300.000)	(189.034.290.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		261.593.239.160	169.899.381.242
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(101.775.212.475)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.231.356.928	42.147.872.287
8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			-	20.000.000
9. Khoản chi mua bổ sung cổ phiếu của công ty con			-	(3.170.492.736)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

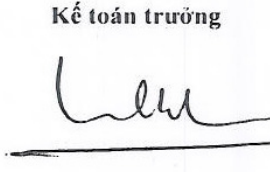
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(589.585.050.309)	(244.545.635.376)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.34	3.646.400.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	450.315.193.800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(183.240.218.000)	(4.981.718.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(173.854.790.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(179.593.818.000)	271.478.685.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		556.266.861.365	167.095.101.275
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		338.653.634.582	117.818.399.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61		(19.109.589.354)	1.995.212.824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		875.810.906.593	286.908.713.316

Người lập

 Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

 Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 7 năm 2009
 Giám Đốc

 Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công Nghiệp.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 21/12/2007 : Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Chiến Thắng được thành lập theo Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 3203001769 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Đà Nẵng cấp phép.

Tại thời điểm 30/06/2009,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

Các chi nhánh:

1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội

2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nối dài –

Phường Hải Châu 2 -Quận Hải Châu -TP Đà Nẵng .

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty con: (gián tiếp thông qua Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế)

+ Công ty Cổ phần BĐS Chiến Thắng – Việt Nam

- Địa chỉ: 95 Lê Lợi, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 64,25%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 64,25%

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina tại Lâm Đồng

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam
184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà.
- Môi giới, cho thuê bất động sản.
- Kinh doanh kho, bến bãi.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất và mua bán bao bì.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán quý 2 bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 30/06

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- + Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối quý: Để hạn chế việc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do sự chênh lệch tỷ giá, Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán (tại báo cáo quý 1/2009 Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá do Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam công bố). Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được ghi nhận vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính.

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008: 16.977 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

30/06/2009: 16.953 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao hàng.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo chính sách 06/CS-CTS.KSNB/2008 ban hành ngày 31/12/2008 (trên cơ sở tuân thủ Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính)

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

- + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính .
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển dần bù được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

+ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- + TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5- 8
Giá súc	6

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Bất động sản đầu tư

- + Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

+ Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

+ Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

- + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Dự phòng đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lãi hoặc lỗ trong một kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

- Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với thu nhập theo kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy và Công ty.

14. Hợp nhất báo cáo

Công ty con

- + Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- + Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- + Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

- + Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Công ty liên kết

- + Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- + Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- + Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	787.709.798	647.909.279
- Tiền gửi ngân hàng	182.000.796.494	130.543.561.635
- Tiền đang chuyển	12.213.400.301	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	680.809.000.000	205.677.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	680.809.000.000	205.677.381.325
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u><u>875.810.906.593</u></u>	<u><u>338.653.634.582</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	181.214.481.992	182.633.322.070
• Cổ phiếu	178.004.481.992	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.210.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	904.638.600.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	904.638.600.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
Cộng	<u><u>1.085.853.081.992</u></u>	<u><u>496.998.072.070</u></u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(100.888.428.800)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>(100.888.428.800)</u></u>	<u><u>(122.995.786.378)</u></u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	385.136.872.916	374.571.347.555
- Khách hàng nước ngoài	135.436.185.185	155.577.648.589
Cộng	<u><u>520.573.058.101</u></u>	<u><u>530.148.996.144</u></u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	86.483.590	-
- Lãi tiền gửi phải thu	11.868.680.897	9.694.728.839
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	1.883.519.389	10.708.531.889
- Cho vay ngắn hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế NK còn được hoàn	3.719.771.752	11.904.998.960
- NH TMCP Bảo Việt	-	3.200.000.000
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	741.940.305	741.940.306
- Phải thu khác	6.354.360.140	4.672.594.544
Cộng	<u>24.654.756.073</u>	<u>40.922.794.538</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(282.463.280)	(120.504.562)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(170.833.309)	(107.673.844)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(29.516.502)	(12.830.718)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(82.113.469)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(24.875.568)	(26.875.568)
Cộng	<u>(307.338.848)</u>	<u>(147.380.130)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	69.697.545.933	219.523.626.450
- Nguyên liệu, vật liệu	827.475.773.744	1.231.150.285.523
- Công cụ, dụng cụ	1.985.377.188	5.756.414.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	130.722.115.184	104.992.369.719
- Thành phẩm	212.635.581.229	217.382.773.314
- Hàng hóa	8.547.940.037	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	-	130.843.905
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng	<u>1.251.064.333.315</u>	<u>1.789.645.993.109</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(8.758.430.124)	(9.457.531.846)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(2.049.164.341)	(3.728.140.954)
- Nhiên liệu	-	(31.489.193)
- Thành phẩm	(122.635.684)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(214.329.628)	(185.642.741)
Cộng	<u>(11.144.559.777)</u>	<u>(14.304.099.823)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	11.864.538.218	5.971.773.402	-	7.534.256.211
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	19.464.311.587	11.684.518.053	-	15.652.826.065
- Chi phí tư vấn pháp lý	-	234.980.000	234.980.000	-	-
- Chi phí tu động, tu mát	8.493.035.020	2.438.188.180	8.020.272.239	-	2.910.950.961
- Chi phí thuê đất, nhà xưởng, VP, ụ kệ	5.990.898.361	11.823.707.634	8.583.299.476	-	9.231.306.519
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.176.287.208	5.466.682.971	5.378.592.660	116.461.047	2.147.916.472
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	7.995.391.200	2.292.906.738	1.481.411.158	6.097.778.605
- Chi phí khác	3.408.482.678	17.053.714.516	13.179.572.517	-	7.282.624.677
Cộng	<u>31.459.932.494</u>	<u>76.341.514.306</u>	<u>55.345.915.085</u>	<u>1.597.872.205</u>	<u>50.857.659.510</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Cộng	<u>226.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	505.156.749.582	1.747.393.087.622	255.102.811.776	89.538.467.259	21.446.354.663	2.618.637.470.902
Mua trong kỳ	188.040.817	4.276.783.996	13.599.284.383	6.745.303.534	-	24.809.412.730
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.560.814.574	74.514.724.990	59.623.584.291	6.119.228.065	-	145.818.351.920
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	5.433.315.157	5.433.315.157
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	1.677.799.940	(1.660.111.940)	-	(17.688.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(136.677.965)	(236.845.834)	(1.669.403.500)	(848.819.995)	(1.872.260.064)	(4.764.007.358)
Giảm khác	-	-	-	(9.700.000)	-	(9.700.000)
Số dư cuối kỳ 30/6/2009	512.446.726.948	1.824.287.638.834	326.656.276.950	101.526.790.863	25.007.409.756	2.789.924.843.351
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	138.864.010.638	792.233.175.740	93.495.930.439	59.381.422.940	5.476.345.317	1.089.450.885.074
Khấu hao trong kỳ	12.339.727.505	67.651.351.948	11.961.318.555	8.837.489.280	1.934.999.388	102.724.886.676
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(52.677.966)	(236.845.834)	(1.026.453.569)	(848.819.995)	(352.297.700)	(2.517.095.064)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/6/2009	151.248.931.839	859.549.810.192	104.430.795.425	67.370.092.225	7.059.047.005	1.189.658.676.686
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	366.292.738.944	955.159.911.882	161.606.881.337	30.157.044.319	15.970.009.346	1.529.186.585.828
Tại ngày cuối kỳ	361.197.795.109	964.737.828.642	222.225.481.525	34.156.698.638	17.948.362.751	1.600.266.166.665

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
Mua trong kỳ	-	-	-	2.250.031.680	2.250.031.680
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/6/2009	35.750.347.200	-	-	45.915.761.797	81.666.108.997
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	7.215.741.613	7.215.741.613
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/6/2009	11.608.069.186	-	-	24.155.580.606	35.763.649.792
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	24.142.278.014	-	-	26.725.891.124	50.868.169.138
Tại ngày cuối kỳ	24.142.278.014	-	-	21.760.181.191	45.902.459.205

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Số dư đầu kỳ	356.867.733.457	603.600.112.705
Tăng trong kỳ	220.989.429.392	179.372.555.491
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	145.818.351.920	370.047.296.962
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	16.440.727.475
Chuyển sang HTK	-	-
Thanh lý	-	696.547.163
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	432.038.810.929	395.788.096.596

Trong đó có các công trình lớn là:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Hệ thống ERP II	-	9.923.666.030
MMTB cho trại bò Nghệ An	17.492.147.752	14.937.135.813
Dây chuyền máy rót A 3 Flex TPA 330	40.301.621.013	-
Dây chuyền cà phê hòa tan E&E	162.964.047.826	159.737.256.814
14 Xe tải Hyundai Porter 1.25T	3.221.333.332	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Bò sữa Nhon Tân	4.469.040.754	2.736.465.301
Trang trại bò sữa Nghệ An	33.315.564.258	8.748.397.157
Xây kho NM Hà Nội	29.150.425.179	952.591.287
Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	12.700.140.001	8.066.255.411
Di dời NM từ Hà Nội lên Tiên Sơn	16.727.183.565	-
VNM Tower	42.710.925.890	-
Tòa nhà văn phòng CN Cần Thơ	36.670.313.505	36.659.360.000
Thay mới dàn lạnh, dàn ngưng, các thiết bị lạnh, nâng công suất máy SABRO	-	5.603.737.584
Máy rót sữa Fino 250 TPA 1	-	7.056.953.487
Máy đóng túi café hạt Rovema	-	8.538.743.330
Dây chuyền chiết rót sữa chua men sống - SGM	-	16.174.126.617
Dây chuyền chế biến sữa đặc	-	23.737.305.393
XDCB NM sữa Tiên Sơn	12.327.137.799	-
XDCB NM sữa Đà Nẵng	235.727.273	17.032.194.045
Giai đoạn II - Nhà kho 10.000m ² - Cần Thơ	-	39.450.762.642
Các công trình khác	19.753.202.782	36.433.145.685

14. Bất động sản đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quyền sử dụng đất 1.409,72m ² tại Phường Hòa Cường, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng	27.489.150.000	27.489.150.000
Cộng	<u>27.489.150.000</u>	<u>546.955.313.800</u>

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.492.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			<u>23.701.955.551</u>

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	391.255.973.800	390.915.313.800
- Đầu tư trái phiếu	30.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	152.800.000.000
Cộng	<u>514.085.973.800</u>	<u>546.955.313.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(117.007.851.165)	-
- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>(117.007.851.165)</u>	<u>-</u>

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	193.914.048.807	-	-	2.610.949.812	191.303.098.995
- CP tù đông tù mát	-	3.829.099.916	-	2.438.188.180	1.390.911.736
- CP trả trước dài hạn khác	1.598.280.191	1.733.138.605	68.670.771	2.021.907.138	1.240.840.887
Cộng	<u>195.512.328.998</u>	<u>5.562.238.521</u>	<u>68.670.771</u>	<u>7.071.045.130</u>	<u>193.934.851.618</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng		178.258.500.000
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>9.963.436.000</u>	<u>188.221.936.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	227.530.907.926	215.109.536.396
- Nhà cung cấp nước ngoài	136.033.508.970	267.809.425.037
- Nhà phân phối	5.726.698.230	9.637.044.746
Cộng	<u>369.291.115.126</u>	<u>492.556.006.179</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

21. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781.533.734	213.558.037.651	187.614.833.048	32.724.738.337
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	98.036.011.221	94.699.851.262	9.423.426.651
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	30.939.364.482	27.131.436.846	6.149.021.215
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	134.038.516.852	55.268.132.569	114.296.980.343
- Thuế thu nhập cá nhân	13.180.248.504	1.872.431.591	13.709.817.366	1.342.862.729
- Thuế tài nguyên	6.412.620	56.395.728	52.906.688	9.901.660
- Tiền thuê đất	-	631.712.421	631.712.421	-
- Các loại thuế khác	264.400.641	2.065.105.580	2.329.506.221	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	225.424.972	225.424.972	-
Cộng	64.187.551.830	481.423.000.498	381.663.621.393	163.946.930.935

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	95.707.471.475	106.701.087.846
- Chí phí quảng cáo	57.844.383.059	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	11.202.989.325	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	177.786.246	45.346.969
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	959.186.361	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	15.739.649.883	9.164.781.918
Cộng	181.631.466.349	144.052.341.695

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	680.184.150	1.454.500
- Kinh phí công đoàn	38.391.871	514.740.885
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.969.400.000	6.247.400.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	5.657.286.457	10.267.609.757
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	21.488.660.000	23.016.600.000
- Thuế Nhập khẩu phải trả (Sx hàng Xuất khẩu)	16.390.353.270	15.906.265.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.937.096.978	18.510.249.575
Cộng	64.161.372.726	74.464.320.012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	17.436.013.000	22.417.731.000
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>17.436.013.000</u>	<u>22.417.731.000</u>
<i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</i>		
Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	17.436.013.000	
Trên 5 năm	-	
Tổng nợ	<u>27.399.449.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

25. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	9
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.250.119.487.702	1.250.119.487.702
- Trích lập các quỹ	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	3.783.738.872	9.820.154	3.793.559.026
- Cổ tức	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	869.697.027.622	175.275.670.000	96.198.051.139	803.037.145.827	4.761.912.645.765
- Tăng vốn trong kỳ	3.646.400.000	-	-	-	-	-	3.646.400.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.044.734.141.165	1.044.734.141.165
- Trích lập các quỹ	-	-	667.366.234.836	364.640.000	104.473.414.117	(772.204.288.953)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	4.514.000	-	4.514.000
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(92.163.765.565)	-	(92.163.765.565)
Số dư cuối kỳ này	1.756.403.100.000	1.064.948.051.177	1.537.063.262.458	175.640.310.000	108.512.213.691	1.075.566.998.039	5.718.133.935.365

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	836.047.875.600	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	793.367.280.270	45,17%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	126.987.944.130	7,23%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948.051.177		1.064.948.051.177	
Cộng	<u>2.821.351.151.177</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.837.806.364.145	3.917.441.450.877
• Doanh thu bán hàng hóa	39.557.128.251	42.951.753.778
• Doanh thu bán thành phẩm	4.790.138.282.731	3.869.922.112.620
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.110.953.163	4.567.584.479
Các khoản giảm trừ doanh thu:	93.979.460.048	76.375.222.845
• Chiết khấu thương mại	87.480.532.257	64.835.205.694
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	6.498.927.791	11.540.017.151
Doanh thu thuần	<u>4.743.826.904.097</u>	<u>3.841.066.228.032</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	4.735.715.950.934	3.836.498.643.553
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.110.953.163	4.567.584.479

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	29.184.501.163	34.869.500.600
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.028.191.651.812	2.554.351.275.501
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.474.516.702	934.899.868
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	390.953.711	283.190.533
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	11.910.529.075	6.496.931.946
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.159.540.046)	(4.026.493.249)
Cộng	<u>3.067.992.612.417</u>	<u>2.592.909.305.199</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.158.248.112	18.870.818.325
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.576.603.922	1.681.194.627
- Lãi trái phiếu	258.690.833	1.660.640.000
- Lãi tiền cho vay	8.286.793	98.114.402
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.168.432.800	18.070.590.969
- Cổ phiếu thưởng	754.530.000	5.188.200.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	804.946.922	117.585.698.562
- Lãi chênh lệch tỷ giá	62.219.849.058	16.521.703.294
- Khác	151.247.004.941	73.963.930
Cộng	249.196.593.381	179.750.924.109

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi vay ngân hàng	998.478.291	17.256.115.135
- Lãi vay các tổ chức khác, lãi ký quỹ	1.250.067.883	2.430.534.340
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	10.857.573	506.495.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	63.290.598.550	24.655.895.979
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	82.227.212.422	12.165.318.078
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	12.673.281.165	95.932.567.000
- Khác	-	-
Cộng	160.450.495.884	152.946.926.290

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.686.322.569	2.184.300.048
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	15.370.392.712	25.648.867.043
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.475.320.110	1.641.124.468
- Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	27.779.963.261	32.734.822.667
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	-
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	83.721.725	2.563.143.600
- Thu nhập từ việc hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết	-	12.055.003
- Thu nhập khác	4.169.177.626	877.204.510
Cộng	52.564.898.003	65.661.517.339

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.246.912.294	1.877.588.414
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	490.909	48.192.339
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	175.141.678	679.204.045
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	417.901.661
- Thuế bị phạt, bị truy thu	118.455.714	-
- Chi phí khác	3.922.744.292	805.385.058
Cộng	6.463.744.887	3.828.271.517

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.044.734.141.166	686.490.456.542
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.044.734.141.166	686.490.456.542
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.317.976	175.275.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.959	3.917

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009	42.306	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.317.976	175.275.670

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.973.062.190.199	2.541.230.226.235
- Chi phí nhân công	218.352.806.422	185.054.003.670
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.754.981.733	78.721.010.552
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.244.940.582	119.903.505.743
- Chi phí khác	425.991.245.035	371.614.687.785
Cộng	3.875.406.163.971	3.296.523.433.985

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.959.315.450.729	2.528.492.144.583
- Chi phí nhân công	117.727.548.911	106.883.234.716
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.706.013.325	63.045.201.916
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.039.522.683	41.954.900.538
- Chi phí khác	9.412.854.026	6.382.780.085
Cộng	3.217.201.389.674	2.746.758.261.838

Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	62.197.280.666	41.699.265.751
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.483.525.816	10.720.336.293
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	9.031.782.203	3.841.671.011
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.345.539.304	2.705.900.875
- Chi phí bảo hành	2.393.079.966	329.374.823
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.100.427.861	46.990.567.804

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác bằng tiền	374.234.879.415	324.673.755.110
Cộng	528.786.515.231	430.960.871.667

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	38.427.976.845	36.471.503.203
- Chi phí vật liệu quản lý	3.263.213.654	2.017.745.359
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.125.247.323	5.982.970.747
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.703.429.104	12.969.907.761
- Thuế, phí, lệ phí	1.550.700.488	1.367.986.176
- Chi phí dự phòng	153.818.000	2.677.773.945
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.104.990.038	30.958.037.401
- Chi phí khác bằng tiền	27.088.883.614	26.358.375.888
Cộng	129.418.259.066	118.804.300.480

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các quyền lợi gộp khác	19.902.314.064	25.016.360.000

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý II năm 2009		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.457.185.984.034	271.004.167.677	4.280.289.484.088	557.516.880.057
2. Các khoản giảm trừ	52.944.712.595	-	93.979.460.048	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.404.241.271.439	271.004.167.677	4.186.310.024.040	557.516.880.057
4. Giá vốn hàng bán	1.480.992.779.563	189.185.415.131	2.672.709.582.636	395.283.029.781
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	923.248.491.876	81.818.752.546	1.513.600.441.404	162.233.850.276

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

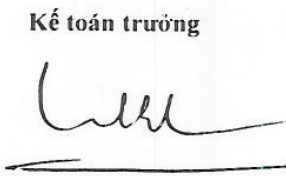
CHỈ TIÊU	Quý II năm 2008		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.770.495.916.904	342.001.327.012	3.314.188.648.008	603.252.802.869
2. Các khoản giảm trừ	43.979.643.217	-	76.375.222.845	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	1.726.516.273.687	342.001.327.012	3.237.813.425.163	603.252.802.869
4. Giá vốn hàng bán	1.106.307.056.132	240.275.093.172	2.147.727.183.175	445.182.122.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	620.209.217.555	101.726.233.840	1.090.086.241.988	158.070.680.845

3. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

- + Tập đoàn đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn 117 tỷ.
- + Tập đoàn đã tạm nộp 226 tỷ tiền Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp vào Ngân Sách Nhà Nước.
- + Tập đoàn phát hành thêm 364.640 cổ phiếu cho Cán Bộ Quản Lý.
- + Tổng doanh thu hợp nhất của quý 2/2009 tăng 619 tỷ (tương ứng với tỉ lệ tăng là 29,32%) so với quý 1/2009.
- + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của quý 2/2009 tăng 79,3 tỷ (tương ứng với tỉ lệ tăng là 16,35%) so với quý 1/2009

Người lập

 Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

 Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 07 năm 2009

 Tổng Giám Đốc

 Mai Kiều Liên